

NHỮNG THÁCH THỨC CỦA ĐA DẠNG TÔN GIÁO TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm tắt: Đa dạng tôn giáo ở Việt Nam đem lại cho tôn giáo ở Việt Nam diện mạo mới, làm phong phú đời sống tâm linh - tôn giáo ở Việt Nam. Nền văn hóa Việt Nam dưới tác động của đa dạng tôn giáo đã và đang được bổ sung thêm những giá trị văn hóa - tôn giáo mới,... Song đa dạng tôn giáo ở Việt Nam đã và đang đặt ra những thách thức, đồng thời đặt ra những vấn đề đối với công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Bài viết đi vào hai nội dung chính: (1) Những thách thức của đa dạng tôn giáo; (2) Những vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước về tôn giáo tại Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Đa dạng, thách thức, tôn giáo, Việt Nam.

1. Những thách thức của đa dạng tôn giáo

Thoạt nghe, vấn đề đa dạng tôn giáo ở Việt Nam hình như có thách thức nhưng không phải là vấn đề lớn, không đáng để bàn luận. Bởi khác với các quốc gia Tây Âu vốn hàng thế kỷ độc tôn tôn giáo nhất thần - Kitô giáo, hoặc một số quốc gia Châu Phi và Trung Đông lấy Islam giáo làm quốc giáo. Việt Nam ngay từ đầu Công nguyên đã là một quốc gia đa tôn giáo và tồn tại nhiều hình thức tôn giáo dân gian.

Đầu thế kỷ XVII, ở Việt Nam xuất hiện Công giáo, một tôn giáo nhất thần từ Phương Tây truyền vào. Đến nay, tôn giáo này đã có gần 400 năm tồn tại và trở thành một trong những tôn giáo ở Việt Nam.

Đầu thế kỷ XX, Tin Lành thành công trong việc truyền giáo ở Việt Nam. Đó là sự đứng chân của Hội truyền giáo Tin Lành C.M.A, một tổ chức truyền giáo đa giáo tại Bắc Mỹ do mục sư A. B. Simpson (1843 - 1919) thành lập vào năm 1897.

Từ giữa thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX, ở Nam Bộ xuất hiện một loạt các hình thức tôn giáo mới, để rồi sau đó trở thành tôn giáo như Bửu

* PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Sơn Kỳ Hương (thành lập năm Kỷ Dậu, 1849), rồi tiếp nối là Tứ Ân Hiếu Nghĩa (năm 1867); tiếp đến là đạo Cao Đài (năm 1926), Phật giáo Hòa Hảo (năm 1938). Với cộng đồng dân tộc Chăm là Bàlamôn giáo và Islam giáo cũ (Bani) và Islam giáo. Đến năm 2010, Nhà nước Việt Nam công nhận và cấp phép hoạt động cho 13 tôn giáo. Đến thời điểm 2013, 40 tổ chức tôn giáo được công nhận và cho phép hoạt động. Từ cuối những năm 1980, trên đất nước Việt Nam xuất hiện một loạt hiện tượng tôn giáo mới. Theo thời gian, các hiện tượng tôn giáo mới có sự tăng giảm về số lượng. Theo tài liệu từ các cơ quan chức năng thống kê cho thấy, đến thời điểm 2015 có khoảng từ 60 - 70 hiện tượng tôn giáo mới.

Tình hình trên đã và đang tạo nên những thách thức đối với đời sống chính trị - xã hội của Việt Nam, trong đó nổi lên những thách thức sau đây.

1.1. Đa dạng tôn giáo - Thách thức với văn hóa Việt Nam - Trở lại dòng lịch sử

Trải qua ít nhất là 15 thế kỷ cho đến khi xuất hiện Công giáo, văn hóa dân tộc Việt là văn hóa dung thông tam giáo (Phật, Nho, Đạo) và sự hòa quyện tam giáo với phong tục, tập quán, nếp sống của người dân Việt. Về cơ bản, đa dạng tôn giáo cho đến thời điểm này không những không tạo nên những thách thức mà còn góp phần quan trọng làm phong phú văn hóa Việt Nam. Sự xuất hiện của Công giáo, một số tôn giáo nhất thần, ngay từ đầu đã tạo nên thách thức với văn hóa Việt Nam. Đó là vì truyền đạo Công giáo cho đến trước Công đồng Vatican II mang tính cứng nhắc. Với khẩu hiệu “đem ánh sáng Tin Mừng” chiếu rọi vào vùng dân ngoại, nơi mà theo các thừa sai, những người giữ vai trò trong việc truyền giáo, còn hết sức lạc hậu, tối tăm. Với khẩu hiệu như vậy, các thừa sai đã gạt các giá trị văn hóa đang hiện diện trên đất nước Việt Nam với hy vọng xác lập văn hóa Kitô giáo. Thách thức với văn hóa Việt Nam được đẩy đến cao điểm, đó là chính sách cấm đạo của nhà nước quân chủ Lê - Trịnh và nhà Nguyễn. Chính sách ấy trước hết là để bảo vệ văn hóa, phong hóa dân tộc đứng trước nguy cơ bị biến mất bởi một tôn giáo nhất thần xa lạ với hoạt động truyền giáo mang tính loại trừ văn hóa bản địa. Ngay cả khi chính sách cấm đạo dưới các triều vua Nguyễn (Minh Mạng, Thiệu Trị, đặc biệt là Tự Đức) mang yếu tố chính trị bởi có một bộ phận giáo sĩ, giáo dân dưới các hình thức khác nhau tiếp tay cho thực dân xâm lược Việt Nam thì vấn đề bảo vệ văn hóa, phong hóa dân tộc vẫn thể hiện trong những Đạo dụ cấm đạo.

Đã có một số nhà nghiên cứu trong và ngoài Công giáo ở Việt Nam thường nhấn mạnh hoặc chính sách cấm đạo của nhà Nguyễn có nguyên nhân từ “nghĩ lễ”, hoặc do nhà Nguyễn dựa trên hệ tư tưởng Khổng giáo, coi đó là tư tưởng chính thống để chống lại tư tưởng Kitô giáo, coi đó là tà, hoặc cho rằng nhà Nguyễn quá nhấn mạnh yếu tố chính trị để tàn sát Công giáo. Theo chúng tôi, những nhấn mạnh trên không “điểm đúng huyết”, đôi khi còn là sự minh giáo. Bởi cho đến tận Công đồng Vatican II (1962 - 1965), Giáo hội Công giáo Roma mới chủ trương cho Giáo hội Công giáo địa phương (giáo phận - Giáo hội Công giáo ở những miền truyền giáo) hội nhập với văn hóa địa phương, nghĩa là không còn lối truyền giáo loại trừ văn hóa bản địa. Song không phải sau Công đồng Vatican II, việc hội nhập với văn hóa bản địa đã thực hiện ngay. Về mặt quan phương, phải đợi đến kỳ họp lần thứ nhất của Hội đồng Giám mục Việt Nam với sự ra đời của Thư chung năm 1980 với chủ trương: “Xây dựng trong Hội thánh một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc”, phương hướng hội nhập với văn hóa dân tộc của Công giáo ở Việt Nam mới dần dần rõ nét.

Trong thách thức với văn hóa Việt Nam, còn phải kể đến lĩnh vực tư tưởng mà ở đó không chỉ là chính, tà nhìn từ phía nhà nước quân chủ Lê - Trịnh và sau này là nhà nước quân chủ Nguyễn. Tư liệu lịch sử cho thấy, chính Công giáo mới là lực lượng “khởi sự” qua cuốn *Phép giảng tám ngày* của giáo sĩ Alexandre De Rhode (gọi theo tiếng Việt là Đắc Lộ). Qua tác phẩm này, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống ở Việt Nam đã bị lôi ra “đánh gục” với kết luận là đạo dối. Tiếp theo, còn phải kể đến một số Thư chung của hàng giám mục thuộc dòng truyền giáo Đa Minh Tây Ban Nha cai quản các giáo phận Đông và các giám mục thuộc Hội Thừa sai Paris (MEP). Các Thư chung của hai dòng truyền giáo về sau được chọn lọc in thành sách. Với các giáo phận Đông là “Những thư chọn trong các Thư chung các đáng Vicariô Apostolicô và Vicariô Provinciale về dòng Ông Thánh Duminô đã làm tự năm 1759”, quyển 1 và 2, in tại Kẻ Sặt, 1903. Với Hội Thừa sai Paris là “Sách thuật lại các Thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài”, in tại Kẻ Sỡ, 1908. Một số lượng đáng kể các thư chung của hai dòng truyền giáo được tuyển in trong các sách trên mang nội dung nghiêm cấm giáo dân thực hành theo văn hóa, phong tục, tôn giáo truyền thống Việt Nam. Bởi tất cả đều được xem là đối trá.

Không dừng lại ở đó, trong cộng đồng giáo dân thế kỷ XVIII xuất hiện cuốn: *Hội đồng tứ giáo* (còn gọi là Hội đồng tứ giáo danh sư). Đây hoàn toàn là một hội đồng giả định với sự “quy tụ” đại diện 4 tôn giáo (Phật, Khổng, Đạo và Công giáo). Trong “hội đồng” này đại diện của 4 tôn giáo tranh biện xoay quanh các vấn đề như con người ta sinh ra từ đâu, khi qua đời về đâu? Đây là một trong những vấn đề căn cốt mà tôn giáo nào cũng tìm cách lý giải. Vì là một “hội đồng giả định” do Công giáo chủ trương nên các câu hỏi tranh luận với những nội dung được đề cập ở trên rút cuộc phần thắng thuộc về người đại diện cho Công giáo.

Và tất nhiên, nhà Nho Việt Nam, những người theo tư tưởng Khổng giáo đã không chịu khoanh tay ngồi im. Họ tấn công lại, dù là mượn qua cuốn: *Tây Dương Gia Tô bí lục*. Nội dung cuốn sách, thông qua một câu chuyện giả định về một số giáo sĩ Dòng Tên là người Việt khi dòng này bị giải tán, họ sang tận Roma để gặp Giáo hoàng. Ở đây, họ được tiếp xúc với những điều bí mật của đạo Gia Tô (một cách gọi Công giáo thời bấy giờ ở Việt Nam). Khi về nước họ ghi lại toàn bộ câu chuyện. Mục đích của cuốn sách là sự tấn công vào những nền tảng cơ bản về tín lý, giáo lý của Công giáo theo cách hiểu của người viết. Tuy nhiên, đó là sự hiểu biết còn nông cạn đôi khi còn là sự bịa đặt dưới nhãn quan của Khổng giáo và sự hạn hẹp về hiểu biết của người Việt đối với Công giáo.

Đầu thế kỷ XX, sau khi xuất hiện ở Việt Nam một thời gian, Tin Lành cho ra mắt cuốn “Chân, Giả Luận” đề cao tín lý Tin Lành, tấn công vào văn hóa, tôn giáo truyền thống Việt Nam, trong đó có vấn đề thờ cúng tổ tiên. “Truyền giáo Tin Lành đã tuyên chiến, xung đột với tập tục gia đình, truyền thống văn hóa, tôn giáo bản địa tại Việt Nam. Người Việt vốn có tinh thần bao dung tôn giáo, nhưng rốt cuộc đã phản ứng quyết liệt. Theo tài liệu từ giới Tin Lành thì hầu như tất cả mọi tân tín đồ đều bị gia đình, dòng họ, làng xóm từ bỏ, truất quyền thừa kế, thậm chí bị trói, đánh, chặt đốt quần áo, v.v., vì những người này đã dám đập bát hương, mang bàn thờ hương án, bài vị tổ tiên ra chẻ đốt, v.v.. Trong dân gian, Tin Lành được gọi là “đạo bỏ ông, bỏ bà”, “đạo Huê Kỳ”.

Đây là một vấn nạn xuyên suốt lịch sử truyền giáo của tôn giáo này cho đến tận ngày nay”¹.

Trên đây là thách thức với văn hóa của hai tôn giáo mang tính điển hình là Công giáo và Tin Lành từng diễn ra trong lịch sử.

1.2. Vấn đề của ngày hôm nay

Bước vào công cuộc đổi mới phát triển toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được đề ra từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), đặc biệt là sau khi có Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới* ban hành ngày 16/10/1990, đa dạng tôn giáo ở Việt Nam dần dần có sự chuyển biến rất mạnh mẽ. Từ chỗ trước đổi mới, nói đến diện mạo tôn giáo ở Việt Nam, thường thì người ta chỉ nhắc tới 6 tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Islam giáo, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo), đến nay, số lượng tôn giáo được công nhận và cấp phép hoạt động là 13 và 40 tổ chức tôn giáo. Một thời gian dài, “tín ngưỡng” truyền thống bị thả nổi. Có thời gian, trong các văn bản của Nhà nước cũng như một số người trong giới nghiên cứu có sự nhầm lẫn khi sử dụng cụm từ tín ngưỡng. Chỉ đến khi *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 18/6/2014 thì cụm từ *tín ngưỡng* mới được làm sáng tỏ. Một cách vắn tắt được hiểu như sau: Khi viết *tín ngưỡng tôn giáo* sẽ được hiểu là *niềm tin tôn giáo*. Và vì vậy, trong một công trình nghiên cứu gần đây, chúng tôi đề nghị thay cụm từ “tín ngưỡng tôn giáo” bằng “niềm tin tôn giáo”². *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* không chỉ tách bạch tín ngưỡng với tôn giáo qua dấu phẩy (,) mà còn làm rõ thuật ngữ *Hoạt động tín ngưỡng*, đó là hoạt động thể hiện sự tôn thờ tổ tiên, tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng; thờ cúng thần, thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tôn giáo dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội (*Khoản 1 Điều 3 của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*). Căn cứ vào *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, ở Việt Nam cùng với sự tồn tại các tôn giáo còn có sự tồn tại của các hình thức tôn giáo truyền thống trong người Kinh cũng như vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từ khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, nhất là khi *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* ra đời, rất nhiều hình thức tôn giáo truyền thống của người Việt đã và đang được phục hồi, phát triển.

Vì vậy, hiểu đa dạng tôn giáo ở Việt Nam còn cần thiết phải tính đến đa dạng niềm tin tôn giáo.

Vậy trong tình hình hiện nay, đa dạng tôn giáo, đa dạng niềm tin tôn giáo xuất hiện những thách thức nào đối với văn hóa.

Nếu như Công giáo trước Công đồng Vatican II, thách thức với văn hóa Việt Nam, như phần trên đề cập, là hết sức gay gắt thì sau Công đồng Vatican II, nhất là sau Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam, về cơ bản thách thức được giải tỏa. Song, những thách thức với văn hóa Việt Nam của Tin Lành trong lịch sử vẫn hiện diện trong giai đoạn hiện nay. Tác giả Nguyễn Xuân Hùng viết: “Lấy Kinh Thánh làm nền tảng đức tin và đời sống của mình, coi tôn giáo là “duy nhất chân chính”, là “chân lý cứu rỗi duy nhất”,... nên các tín đồ Tin Lành thường coi tất cả các niềm tin, tôn giáo khác là “mê tín, dị đoan, lầm lạc”, là quyền lực của “quỷ sa tăng” và những người theo đó là những “dân ngoại tội lỗi” (...). Sự chống đối mang tính cực đoan của họ đối với thờ cúng tổ tiên và các hình thức niềm tin, tôn giáo khác, khiến cho cộng đồng bên ngoài (cho dù không có thành kiến kỳ thị tôn giáo) không có mấy cảm tình và tôn trọng họ”.

Từ năm 1986, xuất hiện việc truyền bá Tin Lành trong cộng đồng dân tộc Mông và Dao ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Cũng vào thời điểm này nở rộ việc truyền đạo Tin Lành trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Trường Sơn, đặc biệt là Tây Nguyên, bao gồm cả tỉnh Bình Phước. Để rồi từ đó xuất hiện thách thức với văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên (nội dung này sẽ được trình bày ở phần sau).

Cho đến nay, theo thống kê từ các cơ quan chức năng, trên toàn Việt Nam có tới khoảng 90 hệ phái Tin Lành hiện diện. Có những hệ phái không được Tin Lành Việt Nam công nhận như *Ngũ tuần nói tiếng lạ*. Những người theo hệ phái này cho rằng, họ nhận được ơn Thánh linh (người theo Công giáo gọi là thánh thần hay thần khí) nên nói được tiếng lạ (thực chất là họ dạy nhau tập nói). Họ tuyên truyền về ốm đau không cần dùng thuốc, chỉ cần đọc kinh cầu nguyện. Kết quả là có những người bệnh tử vong. Nguy hại hơn là sự lan truyền về ngày Chúa Tái Lâm, được hiểu là ngày tận thế, ngày này Chúa sẽ đến lần hai (tái lâm). Một số người tin theo, bỏ sản xuất để chờ Chúa đến đón.

Giáo phái chứng nhân Jehovah có những quy định không chào ngẫu tượng. Kết quả là một số học sinh ở một trường trung học tại Thành phố Cần Thơ không chịu chào cờ Tổ quốc vào mỗi sáng thứ Hai hằng tuần. Giáo phái này còn có quy định không nhận tiếp máu. Và tất nhiên trong không ít trường hợp sẽ là tử vong. Có những giáo phái kỳ quái, do một số trí thức Việt sinh sống ở nước ngoài từ bỏ đời sống gia đình, viết thư cho

bố mẹ “kinh tởm” đáng sinh thành sinh ra cơ thể “thối tha” của mình. Do sự cởi mở về thực hành nghi lễ, từ đó xuất hiện những giáo phái nhóm họp không cố định, lúc ở nhà hàng khách sạn, lúc trên ô tô, có khi những “Cơ Đốc nhân” này đưa nhau lên non cao rừng thẳm cầu nguyện và nhảy múa. Một số học giả Tin Lành (thường là hàng giáo sĩ) nhận ra những thách thức của Tin Lành với văn hóa Việt Nam để rồi tự trả lời: “Cơ Đốc giáo (tức Tin Lành) phải lột bỏ những gì mang màu sắc Phương Tây mới được hoan nghênh rộng rãi ở Việt Nam”³. Và “Thành lập một Ủy ban nghiên cứu văn hóa dân tộc, tìm những hình thức thờ phượng và truyền giảng thích hợp với tâm hồn và văn hóa dân tộc”⁴. Như vậy, bước đầu có sự ghi nhận những chuyển động dù mới trên phương diện lý thuyết của một số giáo sĩ (chưa phải là lãnh đạo của Hội Thánh Tin Lành) khắc phục những thách thức với văn hóa Việt Nam của tôn giáo này. Song, chẳng đường đi tới còn hết sức gian lao bởi Tin Lành không như Công giáo có sự tổ chức thống nhất để chỉ đạo, kiểm soát. Tin Lành là tổ hợp các hệ phái, thường thì chẳng hệ phái nào nghe theo hệ phái nào. Và do vậy, những thách thức của Tin Lành với văn hóa Việt Nam vẫn còn đó.

1.3. Đa dạng tôn giáo trong cộng đồng dân tộc thiểu số - những thách thức với niềm tin tôn giáo, phong tục tập quán, văn hóa và cố kết cộng đồng

Cho đến trước khi Công giáo, Tin Lành truyền bá vào các dân tộc thiểu số ở Trường Sơn, Tây Nguyên và dân tộc Mông, dân tộc Dao ở miền núi phía Bắc, các dân tộc cư trú hàng trăm năm hoặc hàng ngàn năm ở nơi đây chưa hề biết đến tôn giáo nhất thần.

Công giáo có mặt ở Tây Nguyên giữa thế kỷ XIX, trong thời gian đầu có xảy ra thách thức với văn hóa các dân tộc thiểu số, nhưng dần dần tôn giáo này có sự điều chỉnh để thích nghi với văn hóa các dân tộc thiểu số nơi đây. Từ sau Công đồng Vatican II, Công giáo ý thức mạnh mẽ hơn việc bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng không chỉ được bảo lưu mà còn được sử dụng vào trong sinh hoạt nghi lễ Công giáo.

Ngược lại, Tin Lành phát triển lên Tây Nguyên đã tạo nên những xung đột với phong tục tập quán, văn hóa và phá vỡ cố kết cộng đồng của cư dân các dân tộc thiểu số. Người dân tộc thiểu số không còn thực hành lễ bỏ mả (pothi), và tất nhiên tượng, nhà mồ - một nét đẹp về đời sống tâm linh, văn hóa tâm linh cũng biến mất. Người dân không còn tục cúng giọt

nước (máng nước) đầu mùa mưa khi tiếng sấm đầu mùa âm vang rừng núi. Những tục cúng thần đất, thần lúa, mở cửa rừng,... đều bị tôn giáo này xóa bỏ. Vùng dân tộc thiểu số nơi cư dân gia nhập Tin Lành không còn “Không gian văn hóa Cồng chiêng”, không còn múa xoang, các làn điệu dân ca, điệu múa truyền thống không còn tồn tại. “Văn hóa rượu cần” bị đã phá. Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số cư dân gia nhập Tin Lành chỉ có những bài ca tôn giáo trong các thánh lễ mà thôi. Đời sống văn hóa tinh thần trở nên đơn điệu, tẻ nhạt, khô cứng.

Sự ra đời của Hội Thánh với Ban chấp sự buồn dần dần phá vỡ cố kết cộng đồng vốn được coi là bền chặt trong một thời gian dài. Những người già trong làng dần bị mất vai trò. Thủ lĩnh của cộng đồng giờ đây là mục sư hay truyền đạo (giảng sư) và Ban chấp sự. Thời Mỹ - nguy, Tin Lành còn tạo ra một tầng lớp gắn bó tôn giáo này với lối sống và cách ứng xử ngày một xa rời truyền thống.

Từ năm 1986, Tin Lành phát triển lên miền rẻo cao phía Bắc Việt Nam trong dân tộc Mông, sau đó là dân tộc Dao. Con đường Tin Lành đi đến với người Mông, người Dao là “con đường gian khổ” làm cho hai dân tộc này đời sống vốn còn gặp những khó khăn lại càng khó khăn hơn về vật chất và tinh thần.

Đầu tiên là sự xuất hiện tin đồn Vàng Trứ xuất hiện để cứu giúp dân tộc này. Khi Vàng Trứ xuất hiện, đồi núi sẽ trở nên bằng phẳng, hòn đá to biến thành bờ, ngựa, dê, hòn đá nhỏ biến thành gà, lợn. Người Mông không làm cũng có ăn. Muốn vậy người Mông phải tập bay. Đã có người dựng cột treo lên để bay, cột gãy bị chết, nguy hiểm hơn một số người kéo lên đỉnh núi để lấy đà bay. Người qua đời chôn nông để khi Vàng Trứ đến dễ dàng “bật đất” đi theo. Người Mông bị tuyên truyền bỏ lối cúng cũ, học cách cúng mới. Những người theo Vàng Trứ từ bỏ thờ cúng tổ tiên và những phong tục tập quán truyền thống. Người Mông không còn thổi khèn một nét đẹp văn hóa truyền thống lâu đời, bởi họ được tuyên truyền thổi khèn là ma quỷ sẽ theo về làm hại. Nhưng làn điệu dân ca bị triệt tiêu. Hội chơi núi mùa xuân theo đó cũng biến mất.

Vàng Trứ, một nhân vật huyền thoại, gắn với hiện tượng xưng vua đón vua của người Mông, một dân tộc vốn có truyền thống văn hóa lâu đời nhưng vì nhiều biến cố lịch sử phải di trú ở nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Ngưỡng vọng về một thời vang bóng, trong một số năm nhất định người Mông lại mong ngóng “vua ra”. Lợi dụng tâm lý này,

những người truyền đạo dựng lên nhân vật Vàng Trứ. Rồi theo thời gian, nhân vật hư hư thực thực này “hiện nguyên hình” là Chúa Trời của một tôn giáo - Tin Lành⁵.

Cũng như cư dân dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, khi người Mông ở miền núi phía Bắc gia nhập Tin Lành thì cố kết cộng đồng cũng bị phá vỡ. Vai trò của trưởng tộc, của bà cô hoặc bị đặt xuống hàng thứ yếu hoặc không còn tác dụng. Thay vào đó là những người đứng đầu điểm nhóm Tin Lành, hoặc những cốt cán trong nhóm.

Tin Lành trong vùng đồng bào người Mông còn kéo theo những hệ lụy về kinh tế. Một bộ phận người Mông di dịch cư trong các tỉnh miền núi phía Bắc và trên 4 vạn người kéo vào Tây Nguyên gây nên nhiều xáo trộn về kinh tế - xã hội, chính trị.

Tin Lành xuất hiện trong người Dao với sự tuyên truyền về nhân vật Thìn Hùng. Đây thực sự là một bản sao của hiện tượng Vàng Trứ trong dân tộc Mông, để rồi mở đường cho việc xuất hiện Tin Lành trong cộng đồng cư dân người Dao⁶. Về cơ bản, bộ phận người Dao gia nhập Tin Lành cũng giống như cộng đồng người Mông gia nhập tôn giáo này, tức là mọi phong tục tập quán, văn hóa truyền thống đều bị Tin Lành xóa bỏ.

1.4. Đa dạng tôn giáo - xung đột tôn giáo với tôn giáo, tôn giáo với tộc người

Như phần trên đề cập, sự xuất hiện của Công giáo thế kỷ XVII và của Tin Lành thế kỷ XX dẫn đến sự xung đột của hai tôn giáo này đối với phong tục, văn hóa và tôn giáo truyền thống (tam giáo).

Trên dải đất Miền Trung, nơi sinh sống của cư dân Chăm, một dân tộc vốn có nhà nước riêng - Nhà nước Chăm-pa trong lịch sử. Khi Islam giáo⁷ xuất hiện trong cộng đồng cư dân Chăm từ khoảng thế kỷ XV. Do là một tộc người có nền văn hóa phát triển, Islam giáo khi truyền bá vào cư dân Chăm đã bị Chăm hóa để trở thành Bani giáo. Vì vậy, Bani giáo so với Islam giáo có những nét khác biệt về tín lý, kinh sách, cơ sở thờ tự. Đặc biệt tín đồ của tôn giáo này không có liên hệ gì với thế giới Islam giáo.

Từ giữa thế kỷ XX, Islam giáo phát triển trở lại trong cộng đồng cư dân Chăm theo Bani giáo ở Ninh Thuận tạo nên một cộng đồng Islam giáo ở đây nhưng hết sức nhỏ bé. Vì Bani giáo vốn từ Islam giáo mà biến thể thành nên cư dân Chăm ở Ninh Thuận gọi là Islam/Hồi giáo cũ. Còn Islam giáo được truyền từ Thành phố Sài Gòn, có liên hệ với thế giới

Islam giáo được gọi là Islam giáo mới (sự thực chỉ là Islam giáo mà thôi). Người Chăm Bani giáo có phong tục coi người chết ở nhà, trong tay người thân là chết lành, ngược lại chết ở ngoài làng là chết dữ và không được đưa xác vào làng. Do sống xen kẽ với người Chăm Bani, người Chăm Islam giáo mới gặp khó khăn khi có người qua đời ở ngoài làng (chết ở bệnh viện, chết vì tai nạn, hay chết ở trên đường đến bệnh viện hoặc trên đường bệnh viện về nhà...) đều không được đưa vào trong làng. Trong khi đó, với người Chăm theo Islam giáo, người qua đời phải được làm phép tại Thánh đường trước khi an táng. Vậy là người Chăm Islam giáo phải làm Thánh đường ngoài rìa làng, thường cạnh đường giao thông. Đã có 4 thánh đường (101 - 104) được làm như vậy để tránh xung đột với người Chăm Bani.

Trong cộng đồng dân tộc Chăm, có một bộ phận theo Balamôn - Ấn giáo. Do tập tục lễ nghi, sinh hoạt tôn giáo nên từ hàng trăm năm trước đây, người Chăm Balamôn giáo sống thành từng làng tách biệt với người Bani giáo. Vì vậy, mới có tên gọi làng Chăm Balamôn và làng Chăm Bani. Cùng là dân tộc Chăm nhưng hai bộ phận trên không cho nam, nữ của bộ phận này kết hôn với bộ phận kia, tạo nên sự cách biệt.

Khoảng vài chục năm nay, có một bộ phận nhỏ người Chăm gia nhập Công giáo. Những người này đều bị cộng đồng phản ứng quyết liệt. Cá biệt có những dòng họ ra văn bản khai trừ người gia nhập Công giáo ra khỏi họ tộc. Thậm chí họ còn bị đuổi ra khỏi làng.

Ở miền Tây Nam Bộ Việt Nam, trong cộng đồng người Khmer theo Phật giáo Nam tông có khoảng 300 hộ gia nhập Công giáo. Họ được người Khmer gọi là những người theo “Đạo Đất” vì những người này được Nhà thờ trợ giúp tài chính để mua đất. Tài liệu từ các cơ quan chức năng cho biết hiện có khoảng 4.000 - 5.000 người Khmer cải giáo, gia nhập Tin Lành và được người Khmer gọi là “Đạo Mới”. Với người Khmer hàng ngàn năm nay, dân tộc này gắn với Phật giáo Nam tông và được gọi là Phật giáo Nam tông Khmer thì một bộ phận cư dân cải giáo là một sự kiện rất khó chấp nhận. Vì vậy, có hiện tượng khi giáo sĩ Tin Lành đến truyền đạo ở một làng (Phum) của người Khmer đã bị một số người Khmer quá khích đánh đuổi, chính quyền phải vào cuộc để văn hồi trật tự.

Phật giáo với sự xuất hiện của Tăng thân Làng Mai đầu những năm 2000 ở Việt Nam đã gây nên sự xáo trộn không đáng có. Đó là việc Tăng thân Làng Mai chủ trương chiếm giữ tu viện Bát Nhã, vốn được cho phép

ở tạm. Chẳng những thế, sư ông Thích Nhất Hạnh dự tính lập ra pháp môn Tăng, Ni đồng tu ở tu viện Bát Nhã (Lâm Đồng). Vẫn biết Phật giáo có hơn Tám Vạn bốn ngàn pháp tu, nhưng pháp tu mà sư ông Thích Nhất Hạnh chủ trương đã không được tăng, ni và đông đảo Phật tử chấp nhận. Sự việc xảy ra đã được giải quyết ổn thỏa sau một thời gian ngắn, nhưng qua đó cho thấy, ngay cả với Phật giáo cũng xảy ra thách thức với những pháp tu.

Công giáo, một tôn giáo có tổ chức chặt chẽ với hàng giáo phẩm điều hành giáo hội bởi tín lý, giáo lý, giáo luật, đang phải đối diện với hiện tượng “Canh Tân Đặc Sùng” và “Hà Môn”. “Phong trào canh tân đặc sùng trong Giáo hội Công giáo là một phong trào đề cao vai trò của Chúa Thánh Thần (Thánh Linh) trong việc thể hiện đời sống đức tin Kitô giáo, thông qua các hoạt động cầu nguyện, đọc kinh, nói tiếng lạ, chữa bệnh một cách linh nghiệm. Nguồn gốc của phong trào này xuất hiện trong các cộng đồng Kitô giáo sơ kỳ được đề cập trong sách *Công vụ tông đồ*. Từ giữa thế kỷ XIX, phong trào đặc sùng Chúa Thánh Thần xuất hiện với sự ra đời của Hệ phái Tin Lành Ngũ Tuần ở Mỹ”⁸. Tài liệu nghiên cứu của tác giả Nguyễn Phú Lợi cho biết: Phong trào Canh Tân Đặc Sùng xuất hiện ở Việt Nam vào thập niên 90 của thế kỷ XX chủ yếu ở các tỉnh thành phía Nam như các giáo phận Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2004, xuất hiện một nhóm Canh Tân Đặc Sùng (hay Phong trào Thánh Linh) tại huyện Đăk Mil (Đăk Nông) do tín đồ Công giáo Võ Quốc Khánh lập ra. Võ Quốc Khánh tuyên truyền, để nhận được ân sủng của Thiên Chúa không cần đi lễ nhà thờ, không nhận các phép bí tích, chỉ cầu nguyện Chúa Thánh thần bằng gơ tay, nói tiếng lạ. Người ốm không cần dùng thuốc, không phải đến bệnh viện chỉ cầu nguyện, làm phép sẽ khỏi. Đã có khoảng 300 người tin theo, chủ yếu là tín đồ Công giáo. Hiện tượng tôn giáo này chia thành nhóm (lớn và nhỏ) sinh hoạt từ 19 đến 21 giờ ngày thứ Bảy tại nhà Võ Quốc Khánh. Nhóm này không chỉ tách khỏi giáo hội mà còn lên án giáo hội không coi trọng Lời Chúa, đáng bản quyền bị công kích; chủ trương không đi lễ nhà thờ, không nhận các bí tích, không cho con cái học giáo lý Công giáo⁹.

“Đạo Hà Môn” là cách gọi của cơ quan quản lý để chỉ một hiện tượng tôn giáo do bà Y Gyin, người Ba Na ở thôn Kotu, xã Hà Môn, huyện Đăk Hà (Kon Tum) lập ra vào cuối năm 1999. Sự việc bắt đầu bằng câu chuyện được tuyên truyền rằng Y Gyin trông thấy Đức Mẹ (còn gọi là Đức Mẹ Pluk) hiện ra chói lọi trên nóc nhà vào lúc 12 giờ đêm ngày 20/12/1999.

Đức mẹ lựa chọn Y Gyin để phán truyền sứ điệp cho loài người: “Trái Đất này sẽ có ngày tận thế. Ai tâm niệm Đức Mẹ, linh hồn sẽ được lên Thiên đàng, còn không sẽ bị xuống Hỏa ngục với muôn vàn đau đớn vì quá hành hạ... Mọi người theo Đức Mẹ hãy đọc kinh “Kính Đức Mẹ”, thường xuyên làm lễ dâng hoa và góp tiền, của để trang trí nơi thờ tự”. Để lôi kéo được nhiều người theo, Y Gyin cho vẽ hình Đức Mẹ thờ tại nhà, viết “Thông điệp Đức Mẹ hiện hình” bằng tiếng dân tộc, sử dụng cả băng, đĩa về Đức Mẹ của Công giáo đã phát hành, lựa chọn những đoạn ghi trong *Kinh Thánh* của Công giáo để sao, trích, biên dịch thành những tài liệu về việc Đức Mẹ hiện hình để tuyên truyền. Lợi dụng những sự kiện thiên tai, bão lụt, sóng thần, động đất,... phát trên truyền hình, Y Gyin truyền bá tư tưởng là do Đức Mẹ tạo ra, là sự trừng phạt của Đức Mẹ.

Hình thức tuyên truyền của Y Gyin là: “Ai đi theo Đức Mẹ sẽ được Đức Mẹ cho khỏi khổ đau, bất hạnh, sẽ được xóa nợ ngân hàng, không phải sản xuất vất vả, có cuộc sống tự do, không cần Nhà nước, chính quyền. Nếu các tín đồ có tội, đọc kinh sám hối càng nhiều và đóng góp tiền càng nhiều sẽ được xóa tội. Khi hiện hình Đức Mẹ sẽ ban nước thánh cho các con chiên, uống vào người mù sẽ sáng lại, người liệt sẽ đi lại bình thường, người bị câm sẽ nói được. Người theo đạo không được bỏ đạo, trong gia đình chồng hoặc vợ theo đạo mà người kia không theo đạo thì bỏ nhau”.

Cùng với thời gian, số người mà Y Gyin lôi kéo tập hợp ngày một nhiều. Ban đầu là số người ở Hà Mòn, về sau phát triển ra nhiều thôn, xã, huyện thuộc các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk ở Tây Nguyên.

Những người cốt cán của “đạo Hà Mòn” vận động tín đồ không tin theo sự rao giảng của các linh mục; cho rằng, các linh mục không tôn kính Đức Mẹ. Với Công giáo, “đạo Hà Mòn” là bầy chiên lạc mặc dù trong Giáo phận Kon Tum có những linh mục chủ trương lôi kéo họ trở về với chính đạo, nhưng cho đến hiện tại là không thể. Với luận điệu tuyên truyền: “Ai theo đạo thì không được uống rượu ghê, không sinh hoạt công chiêng tập trung tại nhà Rông”, “cần đập bỏ ghê làm rượu, bỏ công chiêng”,... “Đạo Hà Mòn” đã xúi giục phá hoại nét đẹp văn hóa, loại bỏ phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số.

Sự tồn tại của khoảng trên dưới 100 hệ phái Tin Lành ở Việt Nam đã và đang dẫn đến một hiện tượng “không kiểm soát nổi” tôn giáo này của

chính những hệ phái Tin Lành. Ngoài những hệ phái Tin Lành được Nhà nước công nhận cho phép hoạt động trong đó có hệ phái Tin Lành tồn tại từ ngày đầu truyền bá vào Việt Nam như hệ phái C.M.A, một số hệ phái được truyền từ Bắc Mỹ, từ Hàn Quốc là những hệ phái do các trí thức, lưu học sinh, người lao động ở nhiều nước Châu Âu, Hàn Quốc, Đài Loan,... đem về nước. Đó còn phải kể đến một số hệ phái được thành lập tại Việt Nam. Xuất phát điểm thường là mâu thuẫn nội bộ, để rồi một nhóm tách ra lập Hội Thánh mới. Những hội thánh này thường không có điều lệ, tư tưởng thần học hết sức mập mờ. Hội thánh mới khi tách ra thường tuyên truyền đả kích hội thánh cũ. Một số hội thánh không chịu phát triển tân tín đồ mà thường vận động, lôi kéo tín đồ của các hội thánh khác gia nhập hệ phái của mình, mà người Tin Lành gọi đó là hành động “bắt trộm chiên”. Thậm chí có Hội thánh Tin Lành còn đến các xứ, họ đạo lân cận để “bắt trộm chiên” là tín đồ Công giáo.

Lại có những giáo phái mà Tin Lành không công nhận, thậm chí coi đó là tôn giáo mới như Nhân chứng Jehovah. Giáo phái này xuất hiện ở Mỹ vào những năm cuối của thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh thế giới có những biến động lớn về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. “Nhân chứng Jehovah thoát thai từ phong trào Cơ Đốc Phục lâm (The Adventist movement), “đoạn tuyệt với Tin Lành truyền thống, đi theo một hướng hoàn toàn khác lạ để thử nghiệm cái mới chưa từng thấy trước đây kết hợp với hiện thân tôn giáo cổ xưa với một viễn cảnh về thiên đường mới”¹⁰. Ở Việt Nam còn có các giáo phái như: Cơ Đốc Phục lâm ngày thứ Bảy... Tài liệu nghiên cứu từ hai tác giả Trương Văn Chung và Nguyễn Thanh Tùng cho biết: “Cuối thế kỷ XIX ở Mỹ, một loạt các tôn giáo mới đã xuất hiện, phát triển, như: Mormon, Cơ Đốc Phục lâm ngày thứ Bảy (Seventh-day Adventist), Khoa học luận (Scientology), v.v.. Xã hội Mỹ gọi các giáo phái này là “Cult” và hiểu Cult là “Hội những người tình nguyện, gắn bó với nhau trải nghiệm tôn giáo. Họ sống thành nhóm nhỏ, tách biệt với thế giới. Họ nhấn mạnh cuộc sống yêu thương theo khuôn phép thay vì nhờ vào sự cứu giúp của thần linh. Trên hết, họ sống trong niềm mong mỏi vương quốc của Chúa đánh dấu sự chấm hết của thế giới hiện tại”¹¹.

Tin Lành truyền bá trong vùng dân tộc Mông và Dao ở miền núi phía Bắc Việt Nam thời gian qua phái sinh ra một số hiện tượng tạm gọi là tôn giáo mới, như: San sư khổ tảo, đạo Chữ Thập, Sẻ chù ha ly lù gia, đặc biệt là Dương Văn Minh. Dương Văn Minh (Giàng Súng Minh hoặc

Giàng Súng Mênh) dân tộc Mông, sinh ngày 9/5/1961 tại Xí Điêng, Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Năm 1982, Dương Văn Minh cùng gia đình di cư đến Xóm Ngõa, thôn Ngòi Sen, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Việc “khai đạo” của Dương Văn Minh bắt đầu bằng sự kiện khoảng 22 giờ đêm ngày 1/8/1989 đến 1 giờ sáng ngày 2/8/1989, Dương Văn Minh lên đồng, thấy có 4 người từ trên Trời xuống nói chuyện, trong đó có một người tên là Jesus. “Người mà trước đây người ta đã đem đóng đinh trên cây thập ác (cây đang tay)” (nguyên bản trong lời tuyên truyền của Dương Văn Minh). Trưa ngày 2/8/1998, trong số 4 người từ trên Trời xuống chỉ còn một người tên là Jesus ở lại. Jesus nói: “Từ bây giờ không đi cúng kiếng cũ nữa¹², đem tất cả các đồ vật cúng vứt bỏ đi là cắt được đường quấy nhiễu của ma quỷ”. Cho đến cuối năm 2011, những tác động của “đạo lạ” Dương Văn Minh đã được cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động tôn giáo đúc rút như sau¹³:

Về kinh tế: “Đạo lạ” Dương Văn Minh đã xâm phạm đến tài sản vật chất, tiền của, thời gian lao động của người dân; nhiều người dân bỏ bê sản xuất, bán tài sản nộp tiền cho tổ chức “đạo lạ” Dương Văn Minh, làm nhà chứa đồ mai táng, tổ chức sinh nhật cho Dương Văn Minh, nghỉ sản xuất tụ tập chờ đón “Vàng Chứ” xuất hiện.

Về văn hóa tư tưởng: Những nơi có hoạt động của “đạo lạ” Dương Văn Minh, bản sắc văn hóa bị mai một; nếp sống, phong tục tập quán truyền thống của dòng họ, cộng đồng bị xáo trộn, làm ảnh hưởng đến niềm tin của một bộ phận đồng bào Mông trong việc thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Về an ninh chính trị: Ở những nơi vừa có hoạt động của Tin Lành, vừa có hoạt động của “đạo lạ” Dương Văn Minh, vừa có tín ngưỡng truyền thống, xuất hiện sự phân biệt, kỳ thị, nhạo báng lẫn nhau. Đây là dấu hiệu mất đoàn kết ngay trong nội bộ đồng bào Mông, dẫn đến nguy cơ gây xung đột về tín ngưỡng, tôn giáo.

Một bản tin của đài FEBC (có trụ sở ở Philippines) phát đi bài viết về Dương Văn Minh của Vạn Chúng phần nào cho thấy sự thật về Dương Văn Minh: “Giàng Súng Mênh (Dương Văn Minh) không phải là người tốt, Giàng Súng Mênh không phải là người cứu nhân loại, ông Minh là mục sư giả, là người không có thật, ông Minh chỉ lừa anh em mà thôi, ông Minh sinh ra ở Trái Đất này chứ ông Minh không phải là người của

Cha Trời, nhảy từ trên Trời xuống... Còn Giàng Súng Minh anh em đừng tin và không được làm theo ông Minh và anh em đừng sợ ông Minh, ông Minh là người nói dối... lừa tiền nong của bà con”¹⁴.

1.5. Hiện tượng tôn giáo mới - Những thách thức đến cơ tầng văn hóa và truyền thống tôn giáo ở Việt Nam

1.5.1. Những thách thức đến cơ tầng văn hóa Việt Nam

Trước hết phải nói ngay rằng, chúng tôi xếp hiện tượng tôn giáo mới thành một mục riêng là bởi lý do đây chưa phải là tôn giáo. Một số cơ quan chức năng coi hiện tượng tôn giáo mới là “đạo lạ”, “tà giáo”, “tạp giáo”. Chúng tôi chủ trương gọi là *Hiện tượng tôn giáo mới*. Đã có một số công trình nghiên cứu, luận văn, luận án viết về hiện tượng tôn giáo mới (gọi tắt là các công trình nghiên cứu). Các công trình nghiên cứu chỉ ra nguồn gốc, bản chất, đặc điểm tôn giáo, chính trị - xã hội và văn hóa của hiện tượng tôn giáo mới. Phần lớn các công trình nghiên cứu đều cho rằng, hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam tác động đến xã hội lành ít, dữ nhiều. Một số hiện tượng tôn giáo mới chủ yếu là tác động tiêu cực đến xã hội.

Song theo chúng tôi, một điều cần phải chỉ ra là hiện tượng tôn giáo mới đã và đang thách thức đến cơ tầng văn hóa Việt Nam, thể hiện ở một số nội dung sau đây.

Một số hiện tượng tôn giáo mới tuyên truyền về lối sống phi nhân bản và thác loạn như “đạo” Chân Không (đạo Sex, Siêu hóa) của Lưu Văn Ty. “Đạo” này yêu cầu những người theo có những ngày phải bỏ vào rừng hành xác, cởi bỏ quần áo, cùng nhảy múa xung quanh đồng lửa, đặc biệt sinh hoạt tình dục bừa bãi.

Một số hiện tượng tôn giáo mới có hành vi phản văn hóa, đạo đức lối sống truyền thống của dân tộc. “Rất nhiều “đạo lạ” có những hoạt động tuyên truyền mê tín dị đoan như tuyên truyền về “ngày tận thế”, tự xưng là “con trời”, “Phật tái thế”, cháu chắt các vị thánh thần được cử xuống trần gian cứu vớt chúng sinh khỏi họa diệt chủng, khuyến mọi người chuyên tâm đọc kinh sách, xa rời nhu cầu lao động, thậm chí khuyến khích hành xác, khát thực “tập bay”, đốt bỏ một phần tài sản”¹⁵. Có hiện tượng bắt tín đồ tắm cháo, có hiện tượng lại thực hành nghi lễ phi nhân tính, kỳ quặc như đạo “chặt ngón tay”. Một trường hợp đạo lạ - đạo “Phạ tóc” của “Giáo chủ” Cà Văn Liêng (Vua Liêng) ở bản Pahé, xã Tranh Đâu, Thuận Châu, Sơn La, đêm ngày 20/10/1993, theo sự tuyên truyền

của Vua Liêng, 53 tín đồ của đạo gồm cả người già và trẻ em “đề cùng nhau mau chóng được trở về Trời” đã tự đâm chém, đập đầu nhau cho đến chết rồi hỏa thiêu. Người được giao nhiệm vụ sau cùng dùng súng kíp tự sát để kịp “về nước Trời” với các đạo hữu.

Như vậy, nhiều hiện tượng tôn giáo mới đã làm biến đổi hệ giá trị, triết lý, đạo đức truyền thống của văn hóa Việt Nam. Khi nhắc đến cơ tầng văn hóa Việt Nam truyền thống, các nhà nghiên cứu đều đi đến nhận định, ở đó văn hóa tôn giáo đóng một giá trị quan trọng, nhất là về nhân bản với lối sống chân, thiện, mỹ, cụ thể hơn là “tích đức, hành thiện”, “thương người như thể thương thân”. Văn hóa tôn giáo đóng góp cho văn hóa Việt Nam cả về lĩnh vực tinh thần cũng như lĩnh vực vật chất. Hiện tượng tôn giáo mới đã và đang dẫn đến việc làm *nhieều loạn* văn hóa tâm linh của người Việt Nam vốn trân trọng, đề cao giá trị thiêng, luôn tâm niệm sống và hành xử theo giá trị thiêng.

1.5.2. Những thách thức đến truyền thống tôn giáo ở Việt Nam

Truyền thống tôn giáo ở Việt Nam có nội dung khá rộng. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi quy chiếu theo hai chiều kích: (1) Nội dung tôn giáo; (2) Chức năng tôn giáo.

1.5.2.1. Nội dung tôn giáo

Theo quan niệm truyền thống, một tôn giáo được nhìn nhận ở Việt Nam phải có những yếu tố cấu thành: đối tượng thờ cúng, nghi lễ, giáo/giới luật và tổ chức. Quy chiếu vào hiện tượng tôn giáo mới thì thấy hầu hết các yếu tố trên là không rõ ràng, hoặc là bị biến dị. Về điểm này, tác giả Nguyễn Chiến Trường viết: “Phong trào tôn giáo mới (New Religious Movement - NRM) là một cộng đoàn tôn giáo, nhóm đạo đức tâm linh hay triết học, có nguồn gốc từ kỷ nguyên hiện đại (...) với tư cách là một ngành khoa học thì tôn giáo học vẫn cho phép ta khái quát các dạng đặc điểm của một số hoặc một nhóm tôn giáo cụ thể. Các đặc điểm có thể tạm rút ra như sau:

Thứ nhất, các tôn giáo mới khá giống nhau ở quan niệm về người sáng lập ra chúng là một người đã giác ngộ được chân lý thật sự (có hoặc không cần sự mặc khải).

Thứ hai, dựa trên sự giác ngộ của Đấng Giáo chủ đó thì với quan điểm của tôn giáo mới, tất cả giáo lý đã có của tôn giáo truyền thống chỉ toàn là những sai lầm và không giải thoát thực sự.

Thứ ba, lễ nghi trong các tôn giáo mới chủ yếu mang tính tập thể, có chú trọng sử dụng các kỹ thuật đa phương tiện hiện đại cũng như các thủ pháp tâm lý để quan tâm đến những tín đồ mới, làm cho họ thích nghi với nhóm.

Thứ tư, các nhà lãnh đạo của các tôn giáo mới bao giờ cũng theo xu hướng “duy ngã độc tôn” luôn cho các tôn giáo của mình là đúng đắn nhất và tỏ thái độ đối đầu với những người có tôn giáo khác, chứ không tồn tại một thái độ “bàng quan”, “không quan tâm”.

Thứ năm, giáo lý của các tôn giáo mới, trong xu hướng của nó tồn tại hai quan điểm trái ngược: hoặc cố gắng dung hòa với các lý thuyết khoa học, hoặc tỏ thái độ thù địch với khoa học tiến bộ.

Thứ sáu, đa số tôn giáo mới, về bản chất không khác gì các tôn giáo truyền thống, nhưng đặc biệt ở điểm, đó là sự quang ngược lại “tính nguyên thủy” của các tôn giáo truyền thống vốn được tôn giáo này (có thể) đã loại bỏ trong lịch sử phát triển của mình¹⁶.

Tuy chưa phải là đầy đủ nhưng những vấn đề mà tác giả Nguyễn Chiến Trường chỉ ra là rất đáng ghi nhận.

Cần thiết phải chỉ ra rằng, trừ một số hiện tượng tôn giáo mới được truyền từ nước ngoài vào, có tuổi đời khoảng trên dưới 100 tuổi, các hiện tượng tôn giáo mới xuất xứ tại Việt Nam nhất là vùng đồng bằng Bắc Bộ thì chỉ từ 20 - 30 năm trở lại đây. Vì vậy, phần lớn các hiện tượng tôn giáo mới đang trong thời kỳ “sơ khởi” với những thay đổi rất khó đoán định. Do tuổi đời còn trẻ nên người đứng đầu (Guru) các hiện tượng tôn giáo này đều còn sống. Họ vẫn đang sáng tác kinh sách, đặt ra các nghi lễ. Họ giữ vai trò chủ đạo trong việc bày đặt ra mọi sinh hoạt trong đạo. Phần lớn các hiện tượng tôn giáo mới đều không có điện thờ chứ chưa nói đến cơ sở thờ tự. Một số có điện thờ nhưng ở ngay tư gia “giáo chủ”; cũng chưa có đội ngũ tu hành, điều hành ngoài “giáo chủ” và một vài vị “cốt cán”, có thể là người thân trong gia đình hoặc những người “sốt sáng” công việc.

1.5.2.2. Chức năng tôn giáo

Truyền thống tôn giáo ở Việt Nam cho thấy, các tôn giáo đều có vũ trụ quan, nhân sinh quan. Tín lý, giáo lý một mặt hướng con người sống đạo hạnh nơi trần thế, mặt khác, mang tính chủ yếu là hướng con người tới cuộc sống sau khi qua đời.

Các hiện tượng tôn giáo mới thường hướng con người vào việc chữa bệnh. Về vấn đề này, tác giả Đỗ Quang Hưng viết: Các “đạo lạ” rất giống nhau ở chỗ, muốn tìm một giải pháp cho vấn đề khó khăn và rất phổ biến là “tôn giáo - bệnh tật”. Trong các đạo lạ ở Việt Nam hiện nay, lối dùng bùa ngải ngày xưa để chữa bệnh của đạo sĩ, thầy mo, thầy cúng được các *Guru* hiện đại hôm nay sử dụng khá giống nhau: bằng cầu cúng cho việc uống nước lã đặt trên bàn thờ cùng với tàn nhang; dùng “thọ ký” để trừ ma (đạo Siêu hóa); bốc thuốc chữa bệnh bằng các loại cây cỏ; thôi miên, thiền định và những nguồn năng lượng thần bí khác của con người”¹⁷.

Những cách làm trên kết cục thường không mấy tốt đẹp. Không ít tín đồ lâm vào cảnh tiền mất, tật mang, thậm chí là phải đón nhận cái chết lẽ ra không đáng có. Giá trị văn hóa tâm linh bị đảo lộn. Đời sống văn hóa - xã hội, đôi khi kể cả kinh tế bị xáo trộn, gây bất an cho xã hội. Việc phá tôn giáo truyền thống của một số *Guru* cũng chính là tấn công, nhằm xóa bỏ chức năng truyền thống của tôn giáo, một bộ phận tín đồ bị các *Guru* dẫn dắt vào con đường lầm lạc mà không hay biết.

1.6. Đa dạng tôn giáo - Thách thức với an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Đa dạng tôn giáo ở Việt Nam với 4 thách thức được đề cập ở phần trên đều ít nhiều ảnh hưởng hoặc tạo nên thách thức với an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đây là một trong những thách thức nhìn từ chiều cạnh lý luận và thực tế đều hết sức phức tạp. Ở đây, bài viết chỉ tiếp cận ở hai nội dung cơ bản là thách thức đối với an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội quốc gia và an ninh đến con người.

1.6.1. Thách thức với an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội - nhìn từ góc độ quốc gia

Sự kiện “bùng nổ” Tin Lành ở Tây Nguyên, kéo theo đó là việc xuất hiện hàng loạt hệ phái Tin Lành, trong đó có Tin Lành DEGA¹⁸. Về thực chất, đây là một tổ chức chính trị khoác vỏ Tin Lành. Sự việc bắt đầu vào cuối những năm 1990, được sự tiếp tay của các thế lực phản động nước ngoài, nhóm Tin Lành DEGA trong nước âm mưu lập Nhà nước DEGA tự trị. Ngày 20/9/2000, tại Biển Hồ, thành phố Pleiku, nhóm Tin Lành DEGA công khai lập ra nhà nước DEGA, lên kế hoạch hành động bạo loạn.

Trong vụ bạo loạn chính trị phản cách mạng ở Đắk Lắk, đặc biệt ở Gia Lai (tháng 2/2001), nhóm Tin Lành DEGA đã sử dụng nhiều thủ đoạn lừa bịp như: Ai theo Ksor Kok (kẻ chủ mưu do Mỹ nuôi dưỡng) được Mỹ

cung cấp tài chính; ai đi đấu tranh chống người Kinh được cấp 20.000 - 50.000 đồng/người/ngày và sẽ được chia đất đai của người Kinh và các dân tộc khác. Nhóm gây bạo loạn đã lôi kéo được hàng ngàn người tham gia, gây nên sự phức tạp về an ninh chính trị. Không dừng lại ở đó, nhóm Tin Lành DEGA tiếp tục kích động cư dân dân tộc thiểu số chạy sang Campuchia để rồi xin tỵ nạn ở nước thứ ba, gây nên sự bất ổn về an ninh trật tự. Ở Mỹ, Ksor Kok và đồng bọn tiếp tục chỉ đạo lực lượng phản động trong nước gây bạo loạn chính trị. Đó là những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vụ bạo loạn ngày 10/4/2004 tại một số địa phương của hai tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk. Ở một số nơi, nhóm bạo loạn kéo đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường tấn công trụ sở Ủy ban nhân dân huyện. Lực lượng an ninh đã thu được nhiều hung khí tự tạo (dao găm, mã tấu, súng cao su, cung, nỏ, côn, gậy gộc...). Cuộc bạo loạn lần này, ngoài việc nêu khẩu hiệu đấu tranh thành lập nhà nước DEGA, còn cho thấy có sự liên kết với FULRO.

Vấn đề Tin Lành DEGA những năm gần đây tạm thời lắng dịu nhưng những nhân tố gây mất ổn định về chính trị - xã hội vẫn tiềm ẩn. Đặc biệt do vấn đề giáo phái Tin Lành “nở rộ” trên địa bàn Tây Nguyên, trong đó có hoạt động của Tin Lành Tự gia ở một số chi hội tiếp tục gây nên sự bất ổn về an ninh chính trị¹⁹.

Thách thức đa dạng tôn giáo ở miền núi phía Bắc trong đồng bào dân tộc Mông và Dao về an ninh chính trị được thể hiện ở những nội dung khác nhau. Ở một số xã, thôn, bản hệ thống chính quyền cơ sở bị vô hiệu hóa. Bọn xấu thành lập tổ chức đạo lòng ghép với tổ chức chính quyền cơ sở. Quần chúng nhiều nơi bị bọn xấu kích động, tụ tập đấu tranh, tạo nên những điểm nóng, ẩn chứa nguy cơ mất ổn định chính trị. Đặc biệt, lợi dụng việc truyền bá Tin Lành trong người Mông bị bọn xấu lợi dụng vào việc thành lập vương quốc Mông tự trị với việc lấy Tin Lành làm quốc giáo. Đáng kể là bọn phản động, tuyên truyền, kích động người Mông tụ tập về Mường Nhé (Điện Biên) vào tháng 5/2011 với luận điệu tuyên truyền đón Đức Chúa Trời tạo nên điểm nóng về an ninh chính trị ở Tây Bắc.

Phản trên đề cập đến hai hiện tượng tôn giáo mới là “đạo” Hà Môn và Dương Văn Minh với những tác hại về văn hóa - xã hội mà hai hiện tượng tôn giáo mới này gây ra. Với an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, hai hiện tượng tôn giáo mới này gây ra là không hề nhỏ.

Trước hết là “đạo” Hà Môn: Ở một số nơi những người theo “đạo” này không tham gia sinh hoạt với cộng đồng; đôi khi có những lời lẽ thách thức khi đoàn công tác đến tuyên truyền, vận động; một số đối tượng cốt cán có thái độ chống đối khi chính quyền cơ sở triệu tập. “Đạo” thường xuyên tụ tập đông người tổ chức dâng hoa, đọc kinh cầu nguyện không thông báo, xin phép chính quyền các cấp theo quy định của pháp luật; các đối tượng cầm đầu, cốt cán thường vắng mặt tại địa phương không khai báo tạm vắng với chính quyền. Đặc biệt, bọn xấu trong đạo tuyên truyền “đạo Hà Môn” là tôn giáo riêng của người dân tộc thiểu số Tây Nguyên, của người Ba Na. Chúng kích động: “Chờ quốc tế can thiệp sẽ cùng các nơi biểu tình đòi lại đất “nhà nước DEGA”. Và “Nếu ai đi theo khi được công nhận sẽ có chức, có quyền và có nhiều đất đai, tài sản”.

Với hiện tượng Dương Văn Minh: Trong cộng đồng người Mông ở những nơi có hoạt động truyền giáo của Tin Lành, vừa có hoạt động của hiện tượng Dương Văn Minh, vừa có thực hành tôn giáo truyền thống, xuất hiện sự phân biệt kỳ thị, nhạo báng lẫn nhau. Đây là dấu hiệu mất đoàn kết ngay trong nội bộ đồng bào Mông dẫn đến nguy cơ xung đột về tôn giáo. Hiện tượng Dương Văn Minh còn có biểu hiện móc nối với các phần tử xấu, có liên quan đến hoạt động ly khai, tuyên truyền thành lập “vương quốc Mông”.

Tin Lành truyền bá, phát triển trong người Mông tạo nên hiện tượng di dịch cư. Đó là việc chuyển cư của đồng bào từ vùng đất này sang vùng đất khác trên miền rẻo cao một số tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La - nơi có đông đồng bào Mông sinh sống. Thậm chí, có một bộ phận di dịch cư sang Lào. Đặc biệt, tài liệu từ các cơ quan chức năng cho biết, đến thời điểm 2014 có trên 4 vạn người Mông di cư vào các tỉnh Tây Nguyên như Đắk Lắk, Đắk Nông và tỉnh Bình Phước.

Người Mông di cư ở ạt với số đông thường tập trung thành những khu vực, chủ yếu nơi rừng sâu, xa trung tâm, xa đường giao thông nhằm tránh sự kiểm tra của chính quyền. Tại những nơi đây, họ thường phá rừng làm nương rẫy. Người dân, nhất là trẻ nhỏ ở trong tình trạng “bốn không”: Không giấy khai sinh, không có trường lớp để học tập, không có cơ sở khám chữa bệnh, không có hộ tịch, hộ khẩu. Đó là những nguyên nhân dẫn đến môi trường sinh thái bị phá hủy nghiêm trọng, đời sống văn hóa - xã hội bị đảo lộn. Đó còn là sự ra đời của các điểm nhóm Tin Lành tự

phát với những “Ban chấp sự tự phong” tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

1.6.2. Thách thức tới an ninh con người

Các nghiên cứu hiện nay, *vấn đề con người* đang được sử dụng làm thước đo cho mọi thể chế chính trị, trong đó *an ninh con người* là một thước đo. Bởi suy cho cùng, xã hội nào cũng hướng mục tiêu vào phục vụ con người. Ngày nay, cùng với an ninh truyền thống, các nhà nghiên cứu còn nói đến an ninh phi truyền thống. Đặt vấn đề an ninh con người là đặt ra một vấn đề cần thiết phải quan tâm và có biện pháp khắc phục. Bởi hiện có nhiều vấn đề đang tác động xấu đến an ninh con người, về hình thức, mức độ, tính chất. Đó trước hết là phần đông con người đang bị sống trong tâm trạng bất an bởi chiến tranh dịch bệnh, sự hủy hoại môi trường, biến đổi khí hậu. Đối với đa dạng tôn giáo, thách thức tới an ninh con người thể hiện ở một số chiều cạnh sau đây:

- Xâm hại đến nhân phẩm con người;
- Đe dọa đến sức khỏe, tính mạng con người;
- Ảnh hưởng đến lối sống và đời sống của cá nhân và cộng đồng.

Xâm hại đến nhân phẩm con người: Như phần trên đề cập, hiện tượng Chân Không (đạo Sex, Siêu hóa) mà người cầm đầu là Lưu Văn Ty, các tín đồ của đạo cởi bỏ quần áo, nhảy múa xung quanh đồng lửa và sinh hoạt tình dục bừa bãi. Đạo Hú một đạo thịnh hành trên địa bàn Thừa Thiên - Huế, tín đồ tập trung trong một phòng hoặc một căn nhà, đốt hương cho khói bay mù mịt, sau khi bị kích động cùng la hét “hú” với những tiếng kêu thảm thiết. Một số tín đồ nữ giới xinh đẹp sau khi lọt vào “tầm ngắm” của giáo chủ đều bị giáo chủ mê hoặc để hiến thân. Ở huyện Điện Biên Đông, thời gian đầu khi cộng đồng người Mông ở đây rộ lên việc theo Vàng Trứ, một sản phụ khi sinh nở gặp sự cố thai sản, cả mẹ và con cùng qua đời, nghe theo bọn xấu tuyên truyền người ta an táng mẹ con người xấu số một cách sơ sài, vì cho rằng nếu “đào sâu, chôn chặt” khi Vàng Trứ đến thì không “bật dậy” kịp. Kết quả là đàn chó đã có dịp để xâu xé thi thể hai mẹ con người qua đời.

Đe dọa sức khỏe, tính mạng con người: Không ít hiện tượng tôn giáo mới cổ vũ cho việc chữa bệnh bằng cầu cúng, bằng tàn nhang, nước lã; Giáo phái Ngũ tuần nói tiếng lạ xuất hiện vào giữa những năm 1990 tuyên truyền về việc chữa bệnh bằng phù phép; Giáo phái Nhân chứng Jehovah cấm tín đồ cho máu và truyền máu coi đó là việc làm đi ngược

với Chúa Trời. Có “đạo lạ” chữa bệnh bằng tắm cháo được gọi là đạo tắm cháo. Có thể nói phần đông các hiện tượng tôn giáo mới đều gắn với chữa bệnh không bằng thuốc, thay vào đó là những “trị liệu” kỳ quặc. Những trị liệu kỳ quặc trên phần nhiều đem lại kết quả xấu, thậm chí nguy hại đến tính mạng.

Chẳng những thế, có hiện tượng tôn giáo mới dẫn đến chết người như đạo chặt ngón tay, đặc biệt là đạo “Phạ Tốc” của Giáo chủ Cà Văn Liêng (vua Liêng) với việc tự sát 53 tín đồ đã được đề cập ở phần trên.

Ảnh hưởng đến lối sống và đời sống của cá nhân và cộng đồng: Những người theo hiện tượng tôn giáo mới thường rất sùng tín thủ lĩnh (người sáng lập). Họ thường nghe làm theo sự phán bảo của thủ lĩnh mà ít có sự nhận biết đúng sai, nhiều khi bất chấp dư luận đặc biệt là sự khuyên can của những người thân yêu ruột thịt trong gia đình. Không ít người dốc công sức và tiền của để phục vụ “giáo chủ” với hy vọng sẽ được nhiều lợi lộc mà không cần biết số tiền của mà họ “dâng cúng” được giáo chủ sử dụng như thế nào. Tín đồ một số hiện tượng tôn giáo mới mê mải đọc kinh sách, hành hương, cúng bái xao nhãng việc lao động sản xuất dẫn đến việc gia đình thiếu thốn, lục đục. Một số hiện tượng tôn giáo mới không chỉ gây xáo trộn trong gia đình bởi những việc làm kỳ quặc của họ mà còn làm phương hại đến lối sống cộng đồng trong dòng tộc, trong thôn làng. Chẳng hạn, người theo “đạo lạ” này chê bai người theo “đạo lạ” kia, coi “đạo” của mình mới đúng, mới hay. Lại có hiện tượng tôn giáo này bắt trộm tín đồ của hiện tượng tôn giáo kia... Tất cả đều gây nên việc mất đoàn kết cộng đồng, phá vỡ tình làng, nghĩa xóm.

Trên đây là 5 thách thức của đa dạng tôn giáo. Trên thực tế đa dạng tôn giáo còn có những thách thức khác, chẳng hạn như thách thức về không gian tôn giáo, về biểu tượng tôn giáo...

2. Những vấn đề đặt ra đối với quản lý Nhà nước về đa dạng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

2.1. Một vài nhận thức

Đa dạng tôn giáo không chỉ là việc chấp nhận sự hiện diện nhiều tôn giáo ở một quốc gia mà còn là sự *đa dạng tôn giáo trong một tôn giáo*. Đạo Cao Đài ngay từ khi ra đời đã chia thành các giáo phái. Giữa các giáo phái Cao Đài có điểm chung về tín lý nhưng lại có những khác biệt về tổ chức, điện thờ, trang phục và hình thức tu tập. Chẳng hạn, pháp môn Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi có một số khác biệt với phái Cao Đài Tây Ninh về

điện thờ, bài cúng, đặc biệt người theo pháp môn này tu tập theo hình thức cát ái nhưng không dung gia, nghĩa là hai vợ chồng cùng ở một nhà nhưng không có quan hệ tình dục, khi ngủ không nằm mà nửa nằm, nửa ngồi trên ghế tựa, khi chết phải một mắt nhắm, một mắt mở mới được xem là đắc đạo. Tin Lành với sự sản sinh nhiều giáo phái, giáo hội.

Trong cùng tôn giáo có sự đa dạng về thờ cúng, chẳng hạn có hiện tượng một số cơ sở thờ tự của Phật giáo theo mô hình tiền Phật hậu Thánh. Ở vùng đồng bằng Bắc Bộ cho đến nay hầu hết các ngôi chùa đều có gian thờ Mẫu, hoặc làm riêng ở bên cạnh hoặc làm liên thông.

Đa dạng tôn giáo như là một tất yếu của quá trình toàn cầu hóa. Ngày nay, toàn cầu hóa không chỉ là xu thế không thể đảo ngược mà còn là một tiến trình đang diễn ra mạnh mẽ. Nếu như trước đây đa dạng tôn giáo với việc xuất hiện hiện tượng tôn giáo mới phát sinh nội tại thì ngày nay, cùng với sự phát sinh nội tại là sự truyền nhập các hiện tượng tôn giáo mới từ nước ngoài vào Việt Nam. Điều này đã được chỉ ra và phân tích ở phần trên. Vì vậy, nếu ai đó có tư tưởng hạn chế sự đa dạng tôn giáo là điều không thể vì đi ngược lại với xu thế khách quan.

Phần trên đã trình bày những thách thức của đa dạng tôn giáo. Nếu chỉ căn cứ vào 5 thách thức mà bài viết đã chỉ ra và phân tích sẽ có những nhận định rằng, đa dạng tôn giáo chỉ đem lại những hệ lụy, những phức tạp. Song đó chỉ là một mặt của vấn đề. Đa dạng tôn giáo về niềm tin đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng về văn hóa tâm linh của con người trong một xã hội hậu công nghiệp. Con người theo nhu cầu có thể đổi đạo thay vì chỉ “đóng đinh” vào một tôn giáo cố định. Cũng như vậy, với đa dạng tôn giáo, con người được phép lựa chọn những tôn giáo thích hợp với mình để một mặt bảo đảm nghĩa vụ trần thế và bảo đảm nghĩa vụ thiêng.

Đa dạng tôn giáo kéo theo nó là đa dạng văn hóa, làm cho đời sống văn hóa trở nên nhộn nhịp, sôi động. Người dân có điều kiện tiếp xúc với nhiều giá trị văn hóa khác nhau để rồi cùng với thời gian làm phong phú thêm nền văn hóa của tộc người, của dân tộc quốc gia.

2.2. Vấn đề chính sách

Đa dạng tôn giáo dẫn đến một thực trạng cùng với những tôn giáo lớn có hàng triệu, thậm chí là hàng chục triệu tín đồ là những tôn giáo chỉ có vài ngàn tín đồ. Ví dụ, đạo Baha'i tính đến năm 2008 có 7.000 tín đồ. Minh lý đạo Tam tông miếu (Minh lý đạo - đạo Minh lý) đến năm 2010 có 1.058 tín đồ. Năm 2008, Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo (Minh sư

đạo - đạo Minh sư) có hơn 10.000 tín đồ. Mặc dù có sự đa dạng như vậy nhưng chính sách đối với tôn giáo phải được quán triệt bởi Hiến pháp: các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Bình đẳng trong việc công nhận, bình đẳng trong đối xử cũng như trong quản lý. Chỉ có như vậy mới tránh được kỳ thị tôn giáo đồng thời cũng tránh được vi phạm nhân quyền và tự do tôn giáo, đặc biệt tránh được việc kẻ địch lợi dụng tôn giáo.

2.3. Vấn đề công nhận tôn giáo và tổ chức tôn giáo

Nghị quyết của Bộ Chính trị *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*, số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 đã nêu quan điểm của Đảng là: “Các giáo hội và hệ phái tôn giáo có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ, mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp nhà nước, có tổ chức thích hợp và có bộ máy nhân sự đảm bảo tốt về hai mặt đạo, đời, được nhà nước xem xét trong từng trường hợp cụ thể để cho phép hoạt động”. Trên cơ sở quan điểm của Đảng, *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* cụ thể hóa vấn đề này qua *Điều 16* với 3 khoản quy định cụ thể điều kiện để một tổ chức tôn giáo được công nhận; Thẩm quyền công nhận; Quy định đăng ký, xét duyệt. Để thực hiện *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, Chính phủ lần lượt ban hành 02 Nghị định, đó là Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 1/3/2005 *Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*. Nội dung công nhận tổ chức tôn giáo được thể hiện ở Điều 8; Tiếp theo là Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 8/11/2012 *Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, Điều 8 của Nghị định về công nhận tổ chức tôn giáo, trên cơ sở kế thừa Điều 8 của Nghị định số 22, quy định cụ thể hơn, sát hợp hơn với mục đích tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc công nhận tổ chức tôn giáo.

Mặc dù Điều 16 trong *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* cũng như Điều 8 trong Nghị định số 22 và Nghị định số 92 chỉ quy định về công nhận tổ chức tôn giáo nhưng theo chúng tôi hiểu ở đó bao hàm cả việc công nhận tôn giáo. Vì có tôn giáo chỉ có một tổ chức (được hiểu theo cách gọi hiện đại là hai trong một) như Phật giáo, Baha'i, Đạo Minh sư, Đạo Minh lý... Nhưng có tôn giáo mà việc công nhận tôn giáo đó thông qua việc công nhận các tổ chức. Tin Lành là 10 tổ chức của 9 hệ phái, Islam giáo là 4 tổ chức, đạo Cao Đài là 9 hệ phái và một số pháp môn.

Nhờ có quan điểm đúng đắn của Đảng, chính sách rộng mở của Nhà nước mà diện mạo tôn giáo ở Việt Nam nhìn từ đa dạng tôn giáo thực sự chuyển đổi. Tính đến tháng 6/2015, ở Việt Nam đã có 14 tôn giáo và 41

tổ chức tôn giáo được công nhận (Cộng đồng Islam giáo Tiền Giang được công nhận đầu năm 2015).

Tuy nhiên, cần thiết phải chỉ ra rằng hiện ở nước ta vẫn còn một số tôn giáo, đặc biệt là Tin Lành, trong thời gian tới do nhu cầu thực tế đặt ra đòi hỏi phải có biện pháp quản lý. Đối với một số hệ phái Tin Lành nếu thấy đáp ứng được yêu cầu của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo các cơ quan chức năng nên xem xét công nhận. Do hiện tại dưới sự chỉ đạo của Quốc hội, các cơ quan chức năng đang tiến hành xây dựng Luật tín ngưỡng, tôn giáo, nên khi xem xét công nhận tôn giáo hay tổ chức tôn giáo, một mặt, các cơ quan chức năng thận trọng, nhưng mặt khác, nên có sự vận dụng khi tiến hành xem xét công nhận. Thực tế cho thấy các tôn giáo, tổ chức tôn giáo khi được công nhận nhìn chung đều hoạt động ổn định, chấp hành tốt chính sách, pháp luật. Những vấn đề rắc rối có liên quan đến an ninh, trật tự do phát sinh từ việc chưa được công nhận đã không còn.

Đối với tôn giáo và tổ chức tôn giáo chưa được xem xét công nhận, các cơ quan chức năng nên có những biện pháp quản lý phù hợp. Nhất là nên đề ra cho các tổ chức này một lộ trình để họ hướng tới việc được xem xét công nhận. Việc làm này, một mặt, tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo dần dần hoàn chỉnh những điều kiện để được xét công nhận, yên tâm hành đạo, mặt khác, chức sắc, tín đồ của các tổ chức đó nhận thấy nếu họ hoạt động tôn giáo theo đúng quy định của luật pháp thì việc nhà nước xem xét công nhận chỉ còn là vấn đề thời gian. Những tôn giáo, tổ chức tôn giáo nào mà tín lý, giáo lý, cách hành đạo đi ngược với luật pháp Việt Nam, phản văn hóa, làm phương hại đến phong hóa dân tộc thì kiên quyết không công nhận và có biện pháp thu hẹp. Nếu có những hành động vi phạm luật pháp thì kiên quyết xử lý theo đúng pháp luật.

2.4. Vấn đề hiện tượng tôn giáo mới

Việc quản lý hiện tượng tôn giáo mới đang thực sự là vấn đề nan giải từ việc nhận thức, ban hành chính sách và biện pháp quản lý. Hiện nay, về quan phương, chưa có một văn bản mang tầm vĩ mô để có thể giải quyết những vấn đề nan giải trên. Một số cơ quan của Đảng, Nhà nước cấp Trung ương và địa phương đã có những đề tài khoa học, hội thảo, hội nghị xoay quanh việc giải quyết vấn đề tôn giáo mới nhưng khi áp dụng vào thực tế hiệu quả là rất thấp. Khi công nhận thực tế này, mỗi cấp, ngành, địa phương thường chỉ ra những nguyên nhân rất khác nhau. Sở dĩ có sự phức tạp như vậy là do các hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện ở

Việt Nam (đặc biệt là các hiện tượng tôn giáo mới nội sinh) thời gian còn ngắn, luôn có sự chuyển đổi từ quan niệm về đối tượng thờ cúng đến cách hành đạo cũng như lối sống đạo, bởi những thủ lĩnh lập đạo hiện vẫn đang sống. Hệ lụy mà các hiện tượng tôn giáo mới gây ra tạo nên sự phức tạp về an ninh, trật tự đặc biệt là lối sống (đã trình bày ở trên). Phần nhiều thủ lĩnh lập đạo không chịu đối thoại, hợp tác với chính quyền. Bản thân họ thiếu tính trung thực, có những việc làm vi phạm luật pháp.

Về phía cơ quan chức năng, nhận thức hiện tượng tôn giáo mới chủ yếu ở khía cạnh tiêu cực, vì vậy mà thường nôn nóng trong việc quản lý. Mặt khác, hầu hết đều chưa có kinh nghiệm trong xử lý. Khi công tác quản lý đạt hiệu quả thấp đã không ít địa phương thả lỏng, buông xuôi, trốn tránh, hoặc có ý chờ đợi cấp trên cho phương hướng.

Trong khi chờ đợi một chính sách tổng thể mang tính vĩ mô, công tác quản lý các hiện tượng tôn giáo mới nên lấy vận động, thuyết phục làm chính. Cần tránh làm cho tình hình trở nên phức tạp, đặc biệt là hạn chế tới mức thấp nhất những tiêu cực do các hiện tượng tôn giáo mới gây ra. Đối với những việc làm vi phạm đến thuần phong mỹ tục, đến văn hóa nếu thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì xử lý theo pháp luật, vi phạm nhẹ thì đưa đối tượng ra kiểm điểm trước hội đồng.

Tóm lại, là xu hướng tất yếu của nhân loại, dưới tác động của toàn cầu hóa, đa dạng tôn giáo ở Việt Nam đã và đang diễn ra mạnh mẽ. Từ khi bước vào công cuộc Đổi mới phát triển toàn diện đất nước, thông qua Nghị quyết 24/NQ-TW *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức được xu hướng này nên đã có quan điểm cụ thể. Trên cơ sở đó *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* đã cụ thể hóa qua các điều khoản cụ thể. Vì vậy, trong khoảng thời gian ngắn, tôn giáo ở Việt Nam từ chỗ chỉ có 6 tôn giáo, đến nay (2015) đã có 14 tôn giáo và 41 tổ chức tôn giáo. Hiện tại, các ban ngành chức năng tiếp tục xem xét công nhận các tôn giáo và tổ chức tôn giáo nếu xét thấy có đủ điều kiện. Điều này cho thấy quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam không chỉ thông thoáng, cởi mở phù hợp với điều kiện trong nước mà còn hội nhập sâu rộng với quy ước và luật pháp quốc tế về tôn giáo mà Việt Nam tham gia. Khi Đảng, Nhà nước có quan điểm, chính sách phù hợp, đúng đắn, tin chắc rằng những thách thức sẽ được tháo gỡ bởi một nguyên tắc bất di bất dịch của Đảng, Nhà nước Việt Nam là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của người dân./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Xuân Hùng (2011), “Một số vấn đề về cộng đồng Tin Lành tại Việt Nam”, trong cuốn: Nguyễn Hồng Dương, P. Hoffmann (chủ biên), *Đa dạng tôn giáo: So sánh Pháp - Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội: 209.
- 2 PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 59 - 64.
- 3 *Thánh Kinh Nguyệt san*, số tháng 11/1974, tr. 21 - 22.
- 4 *Thánh Kinh Nguyệt san*, số tháng 11/1974, tr. 14.
- 5 Theo chúng tôi được biết, hiện vẫn còn một bộ phận người Mông theo Vàng Trú mà không chuyển đổi theo Tin Lành.
- 6 Vào nửa đầu thế kỷ XX, có một bộ phận người Dao ở Cao Bằng gia nhập Tin Lành, hình thành nên Hội Thánh Bắc Sơn và tồn tại cho đến ngày nay.
- 7 Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trương gọi là Islam giáo. Tuy nhiên, ở Việt Nam, nhất là trong cộng đồng cư dân Chăm vẫn quen dùng tên gọi Hồi giáo.
- 8 Nguyễn Phú Lợi (2014), “Thách thức đối với Công giáo qua các hiện tượng “Canh tân đặc sủng” và “Hà Môn” ở khu vực Tây Nguyên hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4 (130): 82.
- 9 Nguyễn Phú Lợi (2014), “Thách thức đối với Công giáo qua các hiện tượng “Canh tân đặc sủng...”, bđd: 85 - 87.
- 10 PGS.TS. Trương Văn Chung, ThS. Nguyễn Thanh Tùng (2014), “Giáo phái Nhân chứng Giêhôva ở Mỹ - Lịch sử, nguồn gốc, giáo lý”, trong cuốn: *Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới*, Nxb. Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh: 205, 206.
- 11 PGS.TS. Trương Văn Chung, ThS. Nguyễn Thanh Tùng (2014), “Giáo phái Nhân chứng Giêhôva ở Mỹ - Lịch sử, nguồn gốc, giáo lý”, ... sđd: 205.
- 12 Ý nói người Mông bỏ thờ cúng Tổ tiên.
- 13 *Đề dẫn: Tình hình hoạt động của “đạo lạ” Dương Văn Minh tại một số tỉnh ở Tây Bắc của Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 30/11/2011.*
- 14 Tài liệu lưu trữ tại một cơ quan chức năng ở tỉnh Tuyên Quang.
- 15 GS.TS. Đỗ Quang Hưng (2011), “Đời sống tôn giáo Việt Nam, những thách thức đầu tiên của xu thế đa dạng hóa (Pluralisme)”, trong cuốn: *Đa dạng tôn giáo: So sánh Pháp - Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội: 235.
- 16 Nguyễn Chiến Trường (2014), “Mối quan hệ giữa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới: Đồng thuận và đối lập”, trong cuốn: *Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: 71 - 72.
- 17 GS. TS. Đỗ Quang Hưng (2011), “Đời sống tôn giáo Việt Nam, những thách thức đầu tiên của xu thế đa dạng hóa (Pluralisme)”, ... sđd: 235 - 236.
- 18 DEGA là chữ viết tắt của cụm từ Ank Ede Ga, nghĩa là *Những người con của núi rừng* dùng ý để chỉ tất cả các dân tộc ở Tây Nguyên.
- 19 PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, ... sđd: 304.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 2/7/1998 *Về công tác tôn giáo trong tình hình mới*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 *Về công tác tôn giáo*.
4. Ban Tôn giáo Chính phủ (2003), *Tập văn bản về tổ chức và đường hướng hành đạo của các tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Ban Tôn giáo Chính phủ (2006), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Nguyễn Hồng Dương, P. HoffMan (chủ biên, 2011), *Đa dạng tôn giáo: So sánh Pháp - Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
7. PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương (2013), *Tiếp tục đổi mới chính sách về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay - Những vấn đề lý luận cơ bản*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
9. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (2014), *Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Đỗ Quang Hưng (2008), *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
11. Nguyễn Phú Lợi (2014), “Thách thức đối với Công giáo qua các hiện tượng “Canh tân đặc sủng” và “Hà Môn” ở khu vực Tây Nguyên hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4 (130)
12. Nguyễn Đức Lữ (2009), *Tôn giáo - Quan điểm chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

Abstract

THE CHALLENGE OF RELIGIOUS DIVERSITY IN THE CONTEMPORARY VIETNAM

Religious Diversity in Vietnam brings religion in Vietnam a new look, enriching the spiritual life - religion in Vietnam. Vietnam culture under the influence of religious diversity has been added cultural value - the new religion... But religious pluralism in Vietnam has posed challenges, while posing problems for the management of the state of religion in Vietnam at present. Posts come in two main topics: (1) The challenges of religious diversity; (2) The problems faced by the State management of religion in Vietnam at present.

Keywords: Challenge, diversity, religion, Vietnam.